

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2025/HS-PT
Ngày: 08-9-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký viên Tòa phúc thẩm
Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ
Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa phúc thẩm
Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại
Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau, xét xử phúc thẩm trực tuyến vụ án hình sự
thụ lý số 316/2025/TLPT-HS ngày 28/4/2025, đối với bị cáo Trần Quốc H, do có
kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HS-ST ngày
21/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 217/2025/QĐXXPT-HS
ngày 21/8/2025.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Quốc H**, sinh ngày 01/01/1981 tại tỉnh Bạc Liêu; Nơi cư
trú: Ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã H, tỉnh Cà Mau); Nghề nghiệp:
Kinh doanh; Trình độ học vấn: lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo:
không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Huỳnh L (đã chết) và bà Phạm Thị C
(đã chết); Anh em ruột 09 người, lớn nhất sinh năm 1962, nhỏ nhất sinh năm 1983;
Bị cáo có vợ là bà Nguyễn Tuyết P, sinh năm 1980 và 02 người con, lớn sinh năm
2002, nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 23/12/2023,
chuyển sang tạm giam ngày 29/12/2023; Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số

02 Công an tỉnh C (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trang Sĩ X là Luật sư của Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH MTV T2 (TFSVN); Địa chỉ: P, tầng A, SaiGon C, F L, phường B, Quận A (nay là phường S), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Tuyết P, sinh năm 1980; Địa chỉ: C địa chỉ với bị cáo Trần Quốc H (vắng mặt).

3. Bà Cao Thị Mỹ T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số A, thôn T, xã Đ, huyện M (nay là xã L), tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt).

* Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Văn N nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 30 phút ngày 23/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiến hành bắt quả tang Trần Quốc H đang sắp xếp các loại thuốc không rõ nguồn gốc, xuất xứ vào các thùng catton rồi dán nhãn, dán băng keo có nhãn hiệu “Syngenta” và “Bayer” đóng thành nhiều thùng tại cơ sở kinh doanh buôn bán thuốc bảo vệ thực vật của H thuộc ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Thu giữ của H:

- 2.458 chai, gói thuốc bảo vệ thực vật, gồm các sản phẩm thể hiện nhãn hiệu của Công ty TNHH S1, Công ty TNHH B và các gói có nhãn, thông tin bằng tiếng nước ngoài, không có nhãn bằng tiếng Việt Nam, có chữ “ZICO 80WP 96% salt” và các sổ sách tài liệu có liên quan, được niêm phong trong 44 thùng cattong (đánh số thứ tự từ 01 đến 44), bao gồm: 1.202 chai thuốc nhãn hiệu Amistar Top 325 SC, loại 250ml/chai (Công ty TNHH S1); 499 chai thuốc nhãn hiệu Filia 525SE, loại 250ml/chai (Công ty TNHH S1). Trong đó: Thu trong cốp sau xe ô tô biển số 94A-080.89 của Huân 01 thùng thuốc bảo vệ thực vật nhãn hiệu Fila, số lượng 40 chai;

- 119 chai thuốc nhãn hiệu Reflect Xtra 325SC, loại 200ml/chai (Công ty TNHH S1);

- 239 gói thuốc nhãn hiệu Incipio 200EC, loại 8ml/gói (Công ty TNHH S1);

- 14 chai thuốc nhãn hiệu Anvil SSC, loại 01lít/chai (Công ty TNHH S1);

- 03 chai thuốc nhãn hiệu Tilt Super 300EC, loại 250ml/chai (Công ty TNHH S1);

- 34 chai thuốc nhãn hiệu Selecron® 500EC, loại 100ml/chai (Công ty TNHH S1);
- 250 gói thuốc nhãn hiệu Nativo 750WG, loại 60g/gói (Công ty TNHH B);
- 48 gói thuốc nhãn hiệu Antracol 70WP, loại 01kg/gói (Công ty TNHH B);
- 40 gói có nhãn và thông tin bằng tiếng nước ngoài, không có nhãn bằng tiếng Việt Nam, có chữ “ZICO 80WP 96% salt”;
- 10 chai nhựa màu trắng, nắp màu xanh đều có in nổi chữ “Syngent”, không có nhãn hiệu;
- 24 vỏ thùng catton, 233 nhãn dán thùng, 77 giấy thông báo về việc số hóa sản phẩm với mã GPD, 05 cuốn nhãn phụ thuốc trừ bệnh Amistar Top, 27 nhãn thể hiện thuốc trừ bệnh Anvil, 07 quyển hóa đơn và 02 quyển tập;
- 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại Fortuner, biển số 94A-080.89; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax. Tất cả được niêm phong theo đúng quy định.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng tháng 06/2022, thông qua mạng xã hội, giữa H và Nguyễn Văn N đã liên hệ thỏa thuận, trao đổi mua bán thuốc bảo vệ thực vật giả, các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật của Công ty TNHH S1 (nhãn hiệu Amistar Top, F, R, I, A, T, S) và Công ty TNHH B (nhãn hiệu Nativo và A1), với giá thấp hơn so với giá thị trường. Việc thanh toán tiền thông qua hình thức chuyển khoản (H sử dụng tài khoản số 0700.4054.3447 và N sử dụng tài khoản số 0700.1585.9529) hoặc trả tiền mặt. Cách thức giao, nhận sản phẩm thông qua xe ô tô khách do N gửi về Chành xe Tư Nghiến tại Quốc lộ A, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Nguồn gốc số thuốc bảo vệ thực vật và các thùng catton, nhãn dán, băng keo... do N đặt mua trên các trang mạng xã hội (không rõ nhân thân, lai lịch người bán) đã được đóng chai, gói và dán sẵn nhãn hiệu nhưng chưa được đóng thùng và dán băng keo có nhãn hiệu của từng loại sản phẩm theo quy định về sản xuất hàng thật. Do đó, N gửi riêng các thùng catton, băng keo có nhãn hiệu, giấy dán thùng có ghi sẵn ngày, tháng, năm kèm theo của từng loại sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật giả cung cấp cho H. Để bán được số thuốc bảo vệ thực vật này ra thị trường, H lấy các chai, gói thuốc bảo vệ thực vật giả từ trong các thùng catton không nhãn hiệu, sắp xếp vào các thùng catton có nhãn hiệu và để nhãn phụ, tài liệu kèm theo của từng loại thuốc bảo vệ thực vật, dán băng keo có nhãn hiệu để được thùng thuốc bảo vệ thực vật thành phẩm, giống như thùng thuốc bảo vệ thực vật của Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH B sản xuất để bán cho người khác nhằm thu lợi bất chính.

Với phương thức, thủ đoạn nêu trên, vào ngày 21/12/2023, H đã nhận 20 thùng catton đựng thuốc bảo vệ thực vật giả do N gửi tại Chành xe Tư Nghiến rồi mang về cất giấu tại hộ kinh doanh của H. Đến ngày 23/12/2023 thì bị lực lượng phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ tang vật nêu trên.

- Tại Bản Kết luận giám định số 156/KL-KTHS ngày 29/12/2023 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: 04 nhãn hiệu AmistarTop 325 SC, loại 251ml/chai trên mẫu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A4 so với 03 nhãn hiệu AmistarTop 325 SC, loại 250ml/chai trên mẫu so sánh kí hiệu từ M1 đến M3 không cùng bản in in ra.

- Tại Bản Kết luận giám định số 10/KL-KTHS ngày 10/3/2024 của Phòng K Công an tỉnh B, về nhãn hàng hóa:

Nhãn hiệu Anvil * 5SC (kí hiệu A4), nhãn hiệu Filia 525SE, nhãn hiệu Reflect® Xtra 325Sc, nhãn hiệu Selecron" 500EC, nhãn hiệu Incipio 200 SC, nhãn hiệu Nativo 750WG và nhãn hiệu Antracol 70WP trên mẫu cần giám định so với mẫu nhãn hiệu Anvil 5SC, nhãn hiệu Filia 525SE, nhãn hiệu Reflect® Xtra 325Sc, nhãn hiệu Selecron® 500EC, nhãn hiệu Incipio 200 SC, nhãn hiệu Nativo 750WG, nhãn hiệu Antracol 70WP trên mẫu so sánh không cùng bản in in ra;

Không đủ cơ sở kết luận nhãn hiệu Anvil 5SC (ký hiệu A3) và nhãn hiệu Tilt Super 300EC trên mẫu cần giám định so với nhãn hiệu Anvil SSC, nhãn hiệu Tilt Super 300EC trên mẫu so sánh có cùng bản in in ra hay không.

- Tại Bản Kết luận giám định số 1213/KL-KTHS ngày 17/6/2024 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

Mẫu ký hiệu M1-1: Thuốc trừ bệnh nhãn hiệu Amistar Top 325SC, loại 250ml, không phát hiện thành phần Azoxystrobin + Difenconazole;

Mẫu ký hiệu M2-1: Thuốc trừ bệnh nhãn hiệu Anvil 5SC, loại 011/chai, có chứa thành phần Hexaconazole, hàm lượng: 39.8g/lít;

Mẫu ký hiệu M3-1: Thuốc trừ bệnh nhãn hiệu Filia 525SC, loại 250ml/chai, không phát hiện thành phần Propiconazole + Tricyclazole;

Mẫu ký hiệu M4-1: Thuốc trừ bệnh nhãn hiệu Reflect Xtra 325SC, loại 200ml/chai, không phát hiện thành phần Azoxystrobin + Isopyrazam;

Mẫu ký hiệu M5-1: Thuốc trừ bệnh nhãn hiệu Tilt Super Xtra 300EC, loại 250ml/chai có chứa thành phần Propiconazole + Difenconazole, hàm lượng Propiconazole + Difenconazole: 138,36 g/lít;

Mẫu ký hiệu M6-1: Thuốc trừ sâu nhãn hiệu Selecron 500EC, loại 100ml/chai có chứa thành phần Profenofos, hàm lượng Profenofos: 436,52g/lít;

Mẫu ký hiệu M7-1: Thuốc trừ sâu Incipio 200EC, loại 8ml/gói, không phát hiện thành phần Isocycloseram;

Mẫu ký hiệu M8-1: Thuốc trừ bệnh nhãn hiệu Nativo 750WG, loại 60g/gói, không phát hiện thành phần Tebuconazole + Trifloxystrobin;

Mẫu ký hiệu M9-1: Thuốc trừ bệnh nhãn hiệu Antracol 70WP, loại 01kg/gói, không phát hiện thành phần Propineb;

Mẫu ký hiệu M10-1: Thuốc có chữ "ZICO 80WP 96% salt" có chứa thành phần 2,4-D, hàm lượng 2,4-D:59,4%.

Qua kết luận giám định nêu trên: Đối với thuốc bảo vệ thực vật các nhãn hiệu Amistar Top 325SC, Filia 525SC, Reflect Xtra 325SC, Incipio 200EC, Nativo 750WG, Antracol 70WP đều không phát hiện thành phần mẫu cần giám định. Đối với thuốc nhãn hiệu Anvil SSC, Tilt Super 300EC và Selecron 500EC đều có thành phần cần giám định và có hàm lượng trên 70% so với hàm lượng ghi trên nhãn.

- Tại Công văn số 1132/SNN-TTBVTV ngày 27/6/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh B, xác định:

Cả 03 (ba) mẫu thuốc bảo vệ thực vật nhãn hiệu Anvil 5SC, Tilt Super 300EC và Selecron 500EC có thành phần, hàm lượng theo kết luận giám định so với thành phần, hàm lượng công bố trên nhãn thì cả 03 mẫu thuốc trên đều không đảm bảo chất lượng theo quy định tại Thông tư số 12/2018/TT- BNNPTNT, ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ N1 về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật (QCVN-188: 2018/BNNPTNT);

Sản phẩm có chứa thành phần 2,4-D là hoạt chất thuốc trừ cỏ. Hiện tại hoạt chất 2,4D chưa có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ trưởng Bộ N1 ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.

- Kết luận giám định số 50/KL-KTHS ngày 19/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Chữ viết và chữ ký tại quyển hóa đơn được đánh số thứ tự "7" với tài liệu thể hiện chữ viết và chữ ký của Nguyễn Văn N (tài liệu giám định) đều do cùng một người viết và ký.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 15/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bạc Liêu kết luận: Giá trị hàng hóa định giá tại thời điểm ngày 23/12/2023:

(1) 1.202 chai thuốc trừ bệnh nhãn hiệu Amistar Top 325SC, loại 250ml/chai, có giá trị là 382.636.667 đồng;

(2) 499 chai thuốc trừ bệnh nhãn hiệu Filia 525SE, loại 250ml/chai, có giá trị là 63.206.667 đồng;

(3) 119 chai thuốc trừ bệnh nhãn hiệu Reflect® Xtra 325SC, loại 200ml/chai, có giá trị là 33.320.000 đồng;

(4) 239 gói thuốc trừ sâu nhãn hiệu Incipio 200EC, loại 8ml/gói, có giá trị là 10.914.333 đồng;

(5) 250 gói thuốc trừ bệnh nhãn hiệu Nativo 750WG, loại 60g/gói, có giá trị là 7.166.667 đồng;

(6) 48 gói thuốc trừ bệnh nhãn hiệu Antracol 70WP, loại 01kg/gói, có giá trị là 14.960.000 đồng. Tổng cộng số lượng 06 (sáu) loại hàng hóa nêu trên có giá trị vào ngày 23/12/2023 là 512.204.333 đồng;

(7) 14 chai thuốc trừ bệnh nhãn hiệu Anvil 5SC, loại 01lít/chai, có giá trị là 3.826.667 đồng;

(8) 03 chai thuốc trừ bệnh nhãn hiệu Tilt Super 300EC, loại 250ml/chai, có giá trị là 585.000 đồng;

(9) 34 chai thuốc trừ sâu nhãn hiệu Selecron 500EC, loại 100ml/chai, có giá trị là 1.405.333 đồng;

(10) Giá trị của 40 gói có nhãn và thông tin bằng tiếng nước ngoài, không có nhãn bằng tiếng Việt Nam, có chữ “ZICO^R80WP 96% salt, có giá trị là 4.000.000 đồng.

Riêng đối với 10 chai nhựa màu trắng, nắp màu xanh đều có in nổi chữ “Syngenta”, không có nhãn hiệu, không thể hiện dung tích không có cơ sở để ra kết luận về giá.

Qua kết luận nêu trên, xác định:

Số thuốc bảo vệ thực vật là hàng giả về nhãn và chất lượng của Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH B (1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6) là 2.357 sản phẩm, có giá trị tương đương với hàng thật là 512.204.333 đồng. Số thuốc bảo vệ thực vật là hàng giả về nhãn của Công ty TNHH S1 là 34 sản phẩm (9), có giá trị tương đương với hàng thật là 1.405.333 đồng. Như vậy, tổng số thuốc bảo vệ thực vật là hàng giả 2.391 sản phẩm có giá trị tương đương với hàng thật qua kết quả định giá tài sản có giá trị là **513.609.666** đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo N và bị cáo H thành khẩn khai báo. Ngày 15/10/2024, bà Phạm Thị Mỹ T1 nộp số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo N. Ngày 20/3/2025, bà Nguyễn Tuyết P nộp số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo H.

Tại Cáo trạng số 48/CT-VKSTBL-P1 ngày 28/11/2024 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Nhó, Trần Quốc Huân về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 195 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HS-ST ngày 21/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

[1] Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Quốc H phạm tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật”.

[1.1] Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 195; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 23/8/2024.

[1.2] Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 195; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trần Quốc H 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 23/12/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 31/3/2025, bị cáo Trần Quốc H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Diễn biến tại phiên toà phúc thẩm: Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo H khai rằng chưa bao giờ bị cáo đặt hàng từ bị cáo N quá 100 chai thuốc các loại. Số lượng thuốc giả mà Cơ quan điều tra thu giữ tại nhà của bị cáo là của bị cáo N gửi cho bị cáo giữ gìn vài ngày. Bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với 2.357 chai thuốc các loại là không đúng. Bị cáo đã chủ động khai ra bị cáo N là đã hợp tác tích cực với Cơ quan điều tra, nhưng bản án sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo; đồng thời bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo H làm trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

2. Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo H:

- Về tội danh: Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo H không thừa nhận 2.357 chai thuốc các loại mà Cơ quan điều tra thu giữ, nhưng căn cứ vào Biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, Biên bản phiên toà sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ có căn cứ để kết luận: Bị cáo H đã có hành vi làm hàng giả về nhãn và chất lượng 2.357 sản phẩm các loại của Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH B, có giá trị tương đương với hàng thật là 512.204.333 đồng; làm hàng giả về nhãn 34 sản phẩm của Công ty TNHH S1, có giá trị tương đương với hàng thật là 1.405.333 đồng. Tổng số thuốc bảo vệ thực vật làm hàng giả là 2.391 sản phẩm có giá trị tương đương với hàng thật qua kết quả định giá tài sản có giá trị là 513.609.666 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo H về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 195 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

- Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo H và mức án mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo H là phù hợp. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo H không xuất trình được tình

tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H phát biểu:

Toàn bộ số thuốc mà Công an thu giữ tại nhà bị cáo H là do bị cáo N gửi cho bị cáo H giữ gìn, không phải là của bị cáo H mua của bị cáo N, bằng chứng là khi Cơ quan điều tra bắt giữ thì các thùng chứa số thuốc này chưa được khai ra. Việc bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội tại cấp sơ thẩm là do bị cáo thiếu hiểu biết pháp luật. Do đó, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo H về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật” là oan sai.

Trường hợp Hội đồng xét xử cho rằng hành vi của bị cáo là có tội thì đề nghị áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo phạm tội lần đầu, hành vi phạm tội của bị cáo chưa gây thiệt hại, bị cáo bị bệnh và là lao động chính duy nhất trong gia đình, theo quy định tại các điểm h, i, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên đối đáp: Tại Biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang và tại Biên bản phiên tòa phúc thẩm bị cáo H và bị cáo N đã khai rất chi tiết, cụ thể về việc đặt mua 20 thùng thuốc giả, do đó Luật sư cho rằng số thuốc bị bắt giữ do bị cáo N gửi là không có căn cứ.

Bị cáo H phát biểu tranh luận: Bị cáo H đồng ý với ý kiến và đề nghị của Luật sư, không tranh luận gì thêm.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Quốc H làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Quốc H, nhận thấy:

[2.1] Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H và Luật sư cho rằng số lượng thuốc giả bị thu giữ tại nhà của bị cáo H là do bị cáo N gửi cho bị cáo H giữ gìn, bị cáo H chưa bao giờ mua quá 100 chai thuốc các loại từ bị cáo N. Căn cứ vào Biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang ngày 23/12/2023 (bút lục số 459-461), Biên bản phiên tòa sơ thẩm (bút lục 2897-2911), các Biên bản ghi lời khai của bị cáo N, bị cáo H, các kết luận giám định, các văn bản xác minh và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo H và bị cáo N đã có hành vi làm hàng giả về nhãn, về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật của các

doanh nghiệp để nhằm mục đích mua bán kiếm lời. Cụ thể *làm hàng giả về nhãn và chất lượng* 2.357 sản phẩm của Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH B, có giá trị tương đương với hàng thật là 512.204.333 đồng; *làm hàng giả về nhãn* 34 sản phẩm của Công ty TNHH S1, có giá trị tương đương với hàng thật là 1.405.333 đồng. Tổng số thuốc bảo vệ thực vật là hàng giả là 2.391 sản phẩm, có giá trị tương đương với hàng thật là 513.609.666 đồng.

Bị cáo H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được việc làm giả thuốc bảo vệ thực vật là phạm tội nhưng vì động cơ vụ lợi nên bị cáo H đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền lợi của người tiêu dùng, trật tự quản lý thị trường, quyền sở hữu trí tuệ của các doanh nghiệp. Với các hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo H về tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật*”, với tình tiết định khung tăng nặng “*Hàng giả có giá bán, giá niêm yết, giá ghi trong hóa đơn 200.000.000 đồng trở lên*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 195 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Tại Báo cáo thuyết minh, giải trình số 04/BC-HĐĐGTS ngày 11/7/2024 và Biên bản họp định giá tài sản ngày 12/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Bạc Liêu xác định: Do trên địa bàn huyện V, tỉnh Bạc Liêu không khảo sát được đầy đủ các hàng hoá theo yêu cầu nên Hội đồng định giá tiến hành khảo sát giá tại địa bàn lân cận là huyện H và thành phố B. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Bạc Liêu đã tiến hành định giá tài sản đúng trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 và Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23/12/2019 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP, ngày 07/3/2018 của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn thi hành. Do đó, việc bị cáo H đề nghị xem xét lại thủ tục khảo sát giá thuốc bảo vệ thực vật là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Về hình phạt:

Bị cáo H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp 10.000.000 đồng, là tiền thu lợi bất chính nên bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo là có căn cứ.

Diễn biến vụ án cho thấy sau khi thoả thuận mua bán, bị cáo N gửi hàng cho bị cáo H thông qua nhà xe T3, có ghi họ tên, địa chỉ của bị cáo N; bị cáo H thanh toán tiền mua hàng bằng cách chuyển khoản vào tài khoản số 0700.1585.9529 của chính bị cáo N. Nhân thân, lai lịch của bị cáo N là rất rõ ràng, không cần bị cáo H khai thì Cơ quan điều tra cũng có đủ căn cứ để xử lý đối với bị cáo N, không phụ thuộc vào sự hợp tác của bị cáo H. Do đó, bản án sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo H là có căn cứ.

Các tình tiết giảm nhẹ mà Luật sư bào chữa cho bị cáo nêu ra và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng cho bị cáo như bị cáo phạm tội lần đầu, hành vi phạm tội của bị cáo chưa gây thiệt hại, bị cáo bị bệnh và là lao động chính duy nhất trong gia đình theo quy định tại các điểm h, i, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ để chấp nhận.

Do đó, mức hình phạt 10 năm tù mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là ở mức khởi điểm của khung hình phạt, phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, không nặng như đơn kháng cáo của bị cáo H đã nêu.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng của bị cáo H và đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Quốc H. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HS-ST ngày 21/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Trần Quốc H phạm tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật”.

[2] Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 195, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc H 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 23/12/2023.

Tạm giam bị cáo Trần Quốc H với thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Quốc H phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Trại tạm giam 02 - Cà Mau;
- Bị cáo;
- Lưu: HSPA, VP (NTCL).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa

